

Bản án số: 609/2023/HS-PT
Ngày: 18-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Phước Hòa**

Các thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân**

Bà **Võ Thị Ngọc Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Vân**, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 566/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo A B1 về tội “*Giết người*”. Do có kháng nghị của VKSND cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Bị cáo bị kháng nghị:

A B1, tên gọi khác: không; sinh ngày 20/6/1994 tại tỉnh Kon Tum; nơi cư trú: Thôn B - Đ - huyện K- tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Xơ Đăng; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông A S, sinh năm 1958 và bà Y Đ, đã chết; vợ là Y T có 02 con. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2023. Có mặt

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy H - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K. Có mặt

- Bị hại: Anh A B (đã chết)

Người đại diện hợp pháp cho người bị hại: Ông A S. Trú tại: Thôn B -Đ - huyện K- tỉnh Kon Tum. Vắng mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông A S: Bà Đặng Thị Kim N - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh K. Có mặt

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan*: Chị Y T, sinh năm 1994. Trú tại: Thôn B - Đ - huyện K - tỉnh Kon Tum. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16h ngày 31/03/2023, A B1 ngồi uống rượu cùng A B và A H1 tại nhà mình thuộc Thôn B xã Đ- K- Kon Tum. Trong khi uống rượu thì giữa A B1 và A B xảy ra cãi nhau, A B1 có lấy chiếc búa nhỏ định ném qua chỗ A B để dọa nhưng không trúng. Thấy vậy, A H1 đã can ngăn hai người rồi nói A B đi về nhưng A B không về. A B1 thấy vậy, xuống bếp lấy 01 con dao rựa ra dọa đuổi A B về nên A H1 đã chở A B đi ra đường về. Lúc này, A B1 và A B vẫn cãi nhau thách thức qua lại thì A B chạy theo đuổi theo ra trước ngõ cầm theo dao rựa nhưng A B có ý thách thức không sợ A B1 có dao. Do vậy, khi A B1 đang cầm dao thì A B dùng tay trái nắm lấy phần lưỡi dao của A B1 và bị A B1 kéo lại nên đã làm chảy máu tay bên trái của A B làm máu chảy ra đường. A H1 thấy vậy nên đã chở A B về nhà ông A S là bố A B để băng bó vết thương. Còn A B1 cầm dao về rửa sạch rồi gác lên vách tường nhà. Đến khoảng 19h A B1 đang ăn cơm ở nhà bếp thì A B đến đứng ở sân gọi A B1 ra ngoài. Khi A B1 ra thì bị A B dùng tay đánh vào mặt và đá vào người nên bực tức chạy vào bếp lấy 01 con dao dài khoảng 35cm, lưỡi dao nhọn, chỗ rộng nhất khoảng 4cm có cán bằng tre chạy ra đường luôn đi ra đường bê tông trước nhà. Lúc này A B2 vẫn đứng trong sân nhà A B1 cách nhau 5m30 thì A B1 dùng dao phóng vào người của A B. Do A B giơ tay lên che mặt nên dao đã đâm trúng sườn trái làm A B ngã gục xuống sân. A B1 chạy đến rút dao ra khỏi người A B rồi đem ra sau nhà ném xuống suối. Sau đó, A B1 quay lại thấy A B đã chết nên bế đưa vào trong nhà.

Tại Kết luận giám định tử thi số 90 ngày 03/04/2023, Phòng K- Công an tỉnh K kết luận nguyên nhân chết của A B: Mất máu cấp, suy hô hấp cấp do vết thương thấu ngực, gây rách phổi, thủng tim.

Tiến hành truy tìm con dao mà A B1 dùng để phóng vào người của A B nhưng không thu giữ được.

Trong quá trình điều tra, A B1 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Vợ của A B1 là Y T đã bồi thường cho ông A S là bố của bị hại số tiền 10.000.000 đồng để chi phí mai táng cho A B. Ông A S đã có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho A B1 và không yêu cầu bồi thường gì thêm

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 19/9/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

“Căn cứ Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố: Bị cáo A B1 phạm tội “*Giết người*”.

Xử phạt: Bị cáo A B1 **16 (mười sáu) năm tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/4/2023)”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/10/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐ-VC2, với nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sửa bản án hình sự sơ thẩm, xét xử bị cáo A B1 phạm tội “*Giết người*” theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự năm 2015 và giảm hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo: nhất trí với ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, bị cáo phạm tội là do bức tức xuất phát từ hành vi của bị hại. Đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện hợp pháp của bị hại có ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo với tình tiết định khung “*có tính chất côn đồ*” là đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện VKS cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Tòa án cấp sơ xét xử bị cáo A B1 về tội “*Giết người*” theo Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng pháp luật. Tuy nhiên trong vụ án này bị hại cũng có lỗi là dùng tay đánh vào mặt, đá vào người bị cáo. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo chỉ theo khoản 2 Điều 123 Bộ luật hình sự, hơn nữa bị cáo và bị hại là anh em ruột, bị cáo là người dân tộc, học vấn thấp nên cần được khoan hồng theo điểm d khoản 1 Điều 3 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự chấp nhận Quyết định kháng nghị và giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo, luật sư.

[1] Theo bản án hình sự sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai người làm chứng; bản kết luận giám định pháp y, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ ngày 31/3/2023, do bức tức nên A B đi đến nhà A B1, khi gặp A B1 thì A B đã dùng tay đánh vào mặt và dùng chân đá vào người A B1. A B1 đã chạy vào bếp lấy 01 con dao dài khoảng 35cm, lưỡi dao nhọn chạy ra đứng trước nhà. Lúc này A B đang đứng trong sân nhà A B1, cách nhau khoảng 5m30 thì A B1 dùng dao phóng vào người A B, đâm trúng sườn trái làm A B ngã gục xuống sân. A B1 chạy đến rút dao ra khỏi người A B đem ra sau nhà ném xuống suối. Sau đó quay lại thì thấy A B đã chết nên bế vào trong nhà. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo A B1 về tội “*Giết người*” theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Bị cáo và bị hại là 2 anh em ruột, nguyên nhân hành vi phạm tội xuất phát từ hành vi của bị hại đã đâm, đá bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo A B1 đã tác động gia đình để bồi thường cho gia đình bị hại, quá trình điều tra bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, lại là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn về kinh tế. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xử phạt bị cáo với mức hình phạt 16 năm tù là phần nặng. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và cũng tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập xã hội.

[3] Về án phí phúc thẩm: bị cáo A B1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 24/QĐ-VC2 ngày 19/10/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2023/HS-ST ngày 19/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo A B1 **14** (mười bốn) năm tù về tội “*Giết người*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/4/2023).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

2. Về án phí: Bị cáo A B1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị như: xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Phước Hòa